

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long tại phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 342/BQLDA-ODA ngày 24/4/2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 188/TTr-STNMT ngày 09/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Chủ dự án) (địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà trụ sở làm việc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bình Phước, số 727, Quốc lộ 14, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tại phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.



1.2. Địa điểm hoạt động: Số 82, đường Phan Bội Châu, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương: Quyết định 2853/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc hợp nhất các Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình: Dân dụng và Công nghiệp; Giao thông; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước trực thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 30/05/2018 của UBND thị xã Bình Long về việc thành lập Trung tâm Y tế thị xã Bình Long trực thuộc UBND thị xã Bình Long.

1.4. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm y tế.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: Khoảng 13.962,0 m².

- Quy mô: 270 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 10 tháng 5 năm 2023 đến ngày 10 tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa Bình Long quy mô 150 giường tại phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước số 369/QĐ-STNMT ngày 30/12/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Bình Long tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Công thông tin điện tử;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước;
- Lưu: VT_(BH-22-GPMT-08/5) 5c

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49./GPMT-UBND
ngày 10./5./2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, lưu lượng tối đa là 25,9 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động khám, chữa bệnh, lưu lượng tối đa là 137,1 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ thiết bị hấp khử khuẩn, lưu lượng tối đa là 01 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh thùng chứa rác, lưu lượng tối đa là 01 m³/ngày.đêm.

Nguồn số 01, số 02, số 03 và nguồn số 04 nhập chung vào, cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm xả nước thải tại vị trí đầu nối giữa cống xả nước thải của Trung tâm y tế thị xã Bình Long vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Hàm Nghi tại phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 538.565; Y = 1.288.436 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 165 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ Trung tâm y tế thị xã Bình Long được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 230 m³/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế ($k = 1,2$), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, $k = 1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	--	6,5 – 8,5	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
3	BOD ₅	mg/l	36		
4	COD	mg/l	60		
5	Sunfua	mg/l	1,2		
6	Amoni	mg/l	6		
7	Nitrat	mg/l	36		
8	Phosphat	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2		
12	Tổng coliforms	MPN/100 ml	3.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải từ thiết bị hấp khử khuẩn rác thải y tế: Lượng nước thải phát sinh khoảng 01 m³/ngày.đêm. Lượng nước thải này sau khi ngưng tụ tại hệ thống hấp khử khuẩn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống đường ống nhựa PVC, đường kính D220 mm chiều dài khoảng 30 m để xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế ($k = 1,2$) và tuân thủ theo QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Lượng nước thải phát sinh khoảng 25,9 m³/ngày.đêm sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn, số lượng khoảng 10 bể, thể tích 12 m³/bể được dẫn về hệ thống xử lý nước tập trung bằng đường ống nhựa PVC kín, có đường kính khoảng 90 mm - 110 mm, chiều dài khoảng 415,7 m.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh: Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh với lưu lượng khoảng 137,1 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống ống nhựa PVC kín, đường kính D140 mm - D220 mm, chiều dài khoảng 287 m.

- Nước thải phát sinh từ khu vực rửa thùng chứa rác thải y tế: Lượng nước thải phát sinh khoảng 01 m³/ngày.đêm. Lượng nước này được thu gom về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống PVC kín, có đường kính D220 mm, chiều dài khoảng 20 m.

- Toàn bộ nước thải phát sinh nêu trên được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 230 m³/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Hệ thống đường ống thu gom nước thải Trung tâm y tế → Hồ ga thu gom → Tách rác → Bể tiếp nhận → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Module STP → Module MBR → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (k = 1,2) thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công suất thiết kế hệ thống: 230 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Men vi sinh, javel 10%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đa số đều có thiết bị dự phòng. Tuy nhiên, nếu xảy ra sự cố, Trung tâm y tế phải báo ngay với đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Ngoài ra, để phòng ngừa và ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải Trung tâm phải có kế hoạch: Định kỳ hàng năm tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ

thống thu gom xử lý nước thải theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình. Trung tâm bố trí 01 cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý môi trường để sớm phát hiện sự cố và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 230 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 230 m³/ngày.đêm.

- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất 230 m³/ngày.đêm.

- Tại các vị trí khác của hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giới hạn cho phép quy định tại cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (k = 1,2) và tuân thủ theo QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, TSS, sunfua, amoni, nitrat, phosphat, dầu mỡ động thực vật, tổng hoạt độ phóng xạ α, tổng hoạt độ phóng xạ β, tổng coliforms, salmonella, shigella, vibrio cholerae.

- Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (k = 1,2) và tuân thủ theo QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

3.1. Nước thải phát sinh từ dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế ($k = 1,2$) và tuân thủ theo QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.5. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ dự án phải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49./GPMT-UBND
ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ thiết bị hấp khử khuẩn.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 1.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°):

- Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ thiết bị hấp khử khuẩn (vị trí xả khí thải: Tọa độ: X = 538531; Y = 1288399).

- Dòng khí thải số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 1 (vị trí xả khí thải: Tọa độ: X = 538532,7; Y = 1288403,4).

- Dòng khí thải số 03: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 2 (vị trí xả khí thải: Tọa độ: X = 538532; Y = 1288403).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.402 m³/giờ

- Dòng khí thải số 01: 3.650 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: 1.376 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: 1.376 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí cao 05 m, xả liên tục khi sử dụng.

- Dòng khí thải số 02: Nguồn này phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi chạy máy phát điện dự phòng.

- Dòng khí thải số 03: Nguồn này phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi chạy máy phát điện dự phòng.



2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:

Dòng khí thải số 01, số 02 và số 03: Chất lượng khí thải của thiết bị hấp khử khuẩn và của máy phát điện dự phòng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1, k_v = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải 01					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi	mg/Nm ³	200		
4	NO ₂	mg/Nm ³	850		
5	SO ₂	mg/Nm ³	500		
6	Cl ₂	mg/Nm ³	10		
Dòng khí thải 02 và dòng khí thải số 03					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi	mg/Nm ³	200		
4	NO ₂	mg/Nm ³	850		
5	SO ₂	mg/Nm ³	500		
6	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Lượng khí phát sinh từ hoạt động của thiết bị hấp khử khuẩn.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh được thoát trực tiếp ra môi trường.

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh được thoát trực tiếp ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải từ thiết bị hấp khử khuẩn: Bụi và khí thải từ thiết bị hấp → Chụp hút (phễu thu hơi) → Bộ khử mùi bằng tia UV và tấm than hoạt tính tích hợp trong thiết bị → Quạt hút → Ống thoát hơi.

- Công suất thiết kế: 3.650 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải; chủ động thực hiện trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Khi các hệ thống, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu ra tại ống thoát hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giới hạn cho phép quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1, k_v = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu phân tích: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO₂, NO₂, Cl₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1, k_v = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án

3.1. Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p = 1$, $k_v = 1$) trước khi xả ra môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Bụi, khí thải phát sinh từ thiết bị hấp khử khuẩn sau khi xử lý phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p = 1$, $k_v = 1$) trước khi xả ra môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Chủ dự án phải trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 30% tổng diện tích Dự án.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .A9./GPMT-UBND
ngày 10/5./2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Thiết bị hấp khử khuẩn.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng số 1.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng số 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X: 538531; Y = 1288399.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 538532,7; Y = 1288403,4.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 538532; Y = 1288403.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thiết bị hấp khử khuẩn: Hàng ngày lau chùi, vệ sinh thường xuyên vỏ bên ngoài của thiết bị hấp khử khuẩn; định kỳ tra dầu, bôi trơn thường xuyên các bộ phận truyền động của máy nâng kèm theo thiết bị hấp khử khuẩn; thường xuyên kiểm tra tổng thể hệ thống đường ống, van. Siết chặt các bulong, đai ốc, thay mới dầu thủy lực máy ép.

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.4. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49./GPMT-UBND
ngày 40/5./2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Số lượng (kg/năm)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	11.500	LN	Rắn/lỏng	NH
2	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	7	Đ	Rắn	NH
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	13 03 02	120	Đ, ĐS	Rắn	NH
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	150	Đ, ĐS	Rắn	KS
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	300	Đ, ĐS	Rắn	KS
6	Hóa chất thải có thành phần nguy hại	13 01 02	320	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	KS
7	Dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	150	Đ	Rắn/lỏng	NH
8	Chất hấp thụ, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 02	13	Đ, ĐS	Rắn	KS
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10	Đ, ĐS	Rắn	NH
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10	Đ, ĐS, C	Lỏng	NH
11	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	20	Đ, ĐS, AM	Rắn	NH
Tổng			12.600			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
A	Chất thải tái sử dụng và tái chế	
1	Giấy, báo, bìa, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	730

2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	365
3	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	548
B	Chất thải không tái sử dụng và không tái chế	
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	730
2	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	1.825
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	4.745
4	Các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ	3.650
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	3.176
TỔNG		15.769

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	36
Tổng khối lượng		36

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 240 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích: 02 kho chứa, diện tích mỗi kho là 11,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường bê tông gạch thẻ, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 240 lít có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 01 kho chứa, diện tích là 11,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường bê tông gạch thẻ, mái lợp tôn, cửa ra vào bằng khung sắt.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 120 lít có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải:

3.1. Thiết bị hấp khử khuẩn chất thải y tế lây nhiễm:

- Loại chất thải y tế nguy hại tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm .

- Khối lượng chất thải y tế lây nhiễm tự xử lý: 21,9 tấn/năm.

- Công suất thiết kế: 43,8 tấn/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Chất thải y tế → Máy nâng → Buồng khử khuẩn → Xe đẩy rác → Máy nghiền tích hợp máy nâng đổ rác tự động → Mảnh vô trùng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải y tế nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường

theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số *.49./GPMT-UBND*
ngày *10./5./2023* của UBND tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.
4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về các bản vẽ thiết kế thi công công trình xử lý chất thải đã được thẩm định, công trình xây dựng của dự án.
5. Thực hiện các nội dung khác đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.